

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/ST – HNGĐ

Ngày 24/4/2024

“V/v: Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lê Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tú và bà Trần Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Linh Chi – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2023/TLST – HNGĐ ngày 04/12/2023 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P – Sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn 8, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn P – Sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn 8, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Không có lý do).

- Người làm chứng: Bà Hoàng Thị C – Sinh năm: 1945

Trú tại: Thôn 8, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính

cách không hợp nhau. Trong cuộc sống vợ chồng không chia sẻ, không có tiếng nói chung nên thường xuyên phát sinh tranh cãi. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị P đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Trần Văn P;

Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P có 1 người con chung Trần Thị Anh T – Sinh ngày 28/01/2019. Từ khi ly thân đến nay con ở với anh Trần Văn P, nay ly hôn, chị P đồng ý để con cho anh P nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do 2 bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P có tài sản chung là thửa đất số 142 tờ bản đồ số 152 tại thị trấn Ngã Giao, huyện C Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Trong đơn khởi kiện chị P yêu cầu Tòa án chia tài sản chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/12/2023 chị Nguyễn Thị P rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng đối với tài sản là thửa đất trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn P vắng mặt, tuy nhiên thông qua bà Hoàng Thị C, anh P có ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Nay chị Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn thì anh P cũng đồng ý ly hôn; Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Anh T – Sinh ngày 28/01/2019, từ khi ly thân đến nay con ở với anh P nên anh P có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con, anh P không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Anh Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, anh P làm việc ở xa, không có điều kiện để về giải quyết vụ án, nên anh P đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên tòa người làm chứng bà Hoàng Thị C vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị C đã trình bày:

Anh Trần Văn P là cháu ngoại của bà C, chị Nguyễn Thị P là cháu dâu của bà. Anh Trần Văn P và chị Nguyễn Thị P kết hôn vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Trần Văn P và chị Nguyễn Thị P chung sống cùng với gia đình ở xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An một thời gian rồi đi vào Miền Nam làm ăn sinh sống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng nợ nần, khó khăn nên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Thời gian đầu khi ly thân anh Trần Văn P về sống với gia đình ở xã L, huyện A sau đó đi làm ăn ở Miền Nam, còn chị P về sống với gia đình bên ngoại ở xã L. Từ khi đi làm ăn đến nay anh Trần Văn P thỉnh thoảng có về thăm bà C còn bình thường liên lạc với bà C qua điện thoại. Quá trình liên lạc giữa bà C và anh P thì bà C có hỏi thăm công việc cũng như nơi

ở của anh P. Tuy nhiên, anh P chỉ nói công việc cũng như nơi ở không ổn định, bà C chỉ biết rằng hiện tại anh P đang làm ăn sinh sống ở tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu còn nơi ở cụ thể thì bà C không biết. Việc chị Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn thì anh Trần Văn P có biết vì khi nộp đơn ly hôn chị P có liên hệ với anh P và khi Tòa án giao các văn bản, giấy tờ liên quan đến việc giải quyết ly hôn thì bà C nhận thay anh P và đều thông báo cho anh P biết. Sau khi biết việc chị P yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý ly hôn với chị P. Tuy nhiên, hiện tại do làm việc ở xa không có điều kiện để về giải quyết vụ án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung Trần Thị Anh T – Sinh ngày 28/01/2019, từ khi ly thân đến nay con ở với anh P, nay ly hôn anh P có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Anh Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án như sau:*

* Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra và xét xử. Đối với bị đơn đã được Tòa tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Trần Văn P; Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị Anh T – Sinh ngày 28/01/2019 cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ: Không; Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn P vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan cho anh P thông qua bà Hoàng Thị C là bà ngoại của anh P. Bà C đã nhận và báo lại cho anh P biết. Mặc dù, anh P đã biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị P nhưng anh Trần Văn P không có mặt và không cung cấp địa chỉ cư trú, nơi làm việc cho chị Nguyễn Thị P cũng như Tòa án được biết và anh P có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh P. Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Trần Văn P vẫn vắng mặt, còn chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023, chị Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 142 tờ bản đồ số 152 tại thị trấn Ngãi Giao, huyện C Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/12/2023 chị Nguyễn Thị P rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng đối với tài sản là thửa đất trên. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị P là hợp pháp, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn P cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự, không xem xét giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng đối với thửa đất trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P kết hôn với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và sinh được 1 người con chung. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị P đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Trần Văn P.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều

56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh Trần Văn P cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

[2.2]. *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P có 1 người con chung là Trần Thị Anh T – Sinh ngày 28/01/2019. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con ở với anh P, nay ly hôn anh P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và chị P cũng đồng ý để con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Nên cần chấp nhận ý kiến của các đương sự, giao con chung Trần Thị Anh T – Sinh ngày 28/01/2019 cho anh Trần Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn P không yêu cầu chị Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ*: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Trần Văn P.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị Anh T – Sinh ngày 28/01/2019 cho anh Trần Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn P không yêu cầu chị Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn P không yêu cầu Toà án giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng ngày 04/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Nghệ An;
 - VKSND A;
 - Chi cục THADS huyện A;
 - UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tú

Trần Hải Yến

Hoàng Thị Lệ Hằng

